

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TBV24B2 Năm học: 24-25
Mã MH/MĐ: MH01074 Học kỳ: 02
Tên MH/MĐ: Giáo dục thể chất
Số TC: 1

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160252	Đào Thị Huỳnh	Anh	07/01/2009				9	8.0	10.0			6.0		7.2
2	2456201160253	Võ Chí	Bình	21/12/2009				9	10.0	10.0			10.0		9.9
3	2456201160254	Tô Bảo	Chấn	15/10/2009				7	5.0	6.0			5.0		5.3
4	2456201160255	Huỳnh Văn Khánh	Duy	08/09/2009				8	8.0	10.0			6.0		7.1
5	2456201160256	Lê Hữu	Điền	17/12/2009				8	10.0	8.0			10.0		9.5
6	2456201160257	Lê Văn Tinh	Em	27/06/2009				10	10.0	9.0			6.0		7.4
7	2456201160258	La Đăng Trường	Giang	13/03/2009				6	10.0	8.0			10.0		9.4
8	2456201160259	Lâm Minh	Giang	23/02/2009				8	10.0	7.0			6.0		7.0
9	2456201160260	Dương Nguyễn Chí	Huy	05/12/2009				8	9.0	8.0			7.0		7.6
10	2456201160261	Trần Lê	Huy	23/11/2009				7	8.0	7.0			10.0		9.0
11	2456201160264	Trương Tấn	Khang	01/02/2009				7	10.0	9.0			9.0		9.0
12	2456201160265	Lê Văn	Kiệt	02/11/2008				5	10.0	9.0			7.0		7.6
13	2456201160266	Trương Bảo	Lộc	25/03/2008				8	10.0	9.0			9.0		9.1
14	2456201160267	Tổng Thị Trúc	Ly	03/12/2009				8	9.0	8.0			5.0		6.4
15	2456201160268	Trần Quang	Minh	06/11/2008				8	10.0	6.0			5.0		6.2
16	2456201160269	Lư Thị Cẩm	Nang	12/09/2009				8	8.0	7.0			6.0		6.6
17	2456201160270	Phan Văn	Nghị	23/08/2009				8	10.0	8.0			10.0		9.5
18	2456201160271	Lê Thành	Nghĩa	31/01/2009				10	10.0	10.0			8.0		8.8
19	2456201160272	Phạm Văn	Phát	05/05/2009				6	10.0	6.0			7.0		7.2
20	2456201160273	Trần Vũ	Phong	20/02/2009				7	10.0	0.0			0.0		2.2
21	2456201160274	Nguyễn Thị Thanh	Phương	05/08/2009				9	9.0	8.0			8.0		8.2
22	2456201160275	Nguyễn Đình	Quốc	10/02/2009				9	10.0	9.0			7.0		8.0
23	2456201160276	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	31/10/2009				10	10.0	8.0			10.0		9.7
24	2456201160278	Phan Hữu	Trọng	19/12/2009				8	10.0	8.0			10.0		9.5
25	2456201160280	Huỳnh Công	Vinh	06/01/2009				8	7.0	8.0			10.0		9.0

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo
Giáo viên giảng dạy
Ths. Trần Thanh Dũng
Trương Đức Toàn